

# **Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



# Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 33

# Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 003802 GP/TLDN-03 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Long An cấp ngày 1 tháng 7 năm 1995; điều chỉnh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1100107301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 1 tháng 11 năm 2000 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 06/GPPH do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 11 năm 2000.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là gia công, sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng nông sản; và dịch vụ cho thuê kho bãi.

Công ty có trụ sở chính tại 81B Quốc lộ 62, Phường 2, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Cường	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Khải	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2017
	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Như Song	Phó Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thái Hạnh Linh	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Tuấn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2017
Ông Phan Ngọc Sơn	Thành viên	miễn nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2017

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Thị Kim Phụng	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2017
Ông Trần Anh Phương	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Minh Tú	Thành viên	bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2017
Ông Vũ Hùng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2017
Bà Lê Thị Trong	Thành viên	

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Huỳnh Thị Ngọc Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Sơn Hà	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Tuấn.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

# Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Giám đốc:

Nguyễn Duy Tuấn  
Tổng Giám đốc

Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 61207844/19355818/LR

## **BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An ("Công ty") được lập ngày 11 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Đoàn Thị Thu Thủy  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1070-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 11 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>718.446.296.576</b>	<b>278.717.284.525</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>20.889.759.830</b>	<b>137.193.318.755</b>
111	1. Tiền		12.889.759.830	1.956.477.959
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.000.000.000	135.236.840.796
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>71.009.101.472</b>	<b>1.009.101.472</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5	2.050.172.168	2.050.172.168
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5	(1.041.070.696)	(1.041.070.696)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	70.000.000.000	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>159.212.350.152</b>	<b>52.849.993.499</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	129.137.685.310	50.492.447.906
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	32.877.221.702	5.594.897.125
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.955.988.963	1.023.565.608
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	10	(5.275.950.696)	(4.723.917.577)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		517.404.873	463.000.437
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>11</b>	<b>465.322.503.155</b>	<b>86.677.999.732</b>
141	1. Hàng tồn kho		465.322.503.155	86.677.999.732
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.012.581.967</b>	<b>986.871.067</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	736.528.730	373.802.970
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	19	1.276.053.237	613.068.097
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>58.185.652.389</b>	<b>67.287.334.350</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>40.703.090.419</b>	<b>44.632.091.410</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	40.507.816.134	44.413.488.827
222	Nguyên giá		74.097.764.923	78.721.664.970
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(33.589.948.789)	(34.308.176.143)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	195.274.285	218.602.583
228	Nguyên giá		310.629.500	310.629.500
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(115.355.215)	(92.026.917)
<b>230</b>	<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>14</b>	<b>1.894.813.947</b>	<b>1.996.634.043</b>
231	1. Nguyên giá		4.515.304.012	4.515.304.012
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(2.620.490.065)	(2.518.669.969)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>916.970.000</b>	<b>1.028.560.981</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	916.970.000	1.028.560.981
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>14.670.778.023</b>	<b>19.630.047.916</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	14.670.778.023	19.630.047.916
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>776.631.948.965</b>	<b>346.004.618.875</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>589.359.977.654</b>	<b>170.103.898.963</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>585.506.009.374</b>	<b>165.035.903.649</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	23.254.292.860	11.652.681.858
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	2.137.969.922	684.553.807
314	3. Phải trả người lao động		1.585.475.632	5.533.211.507
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	3.877.473.348	518.211.440
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	21	3.078.895.071	5.551.016.024
320	6. Vay ngắn hạn	22	551.499.742.638	140.934.776.189
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		72.159.903	161.452.824
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>3.853.968.280</b>	<b>5.067.995.314</b>
342	1. Dự phòng dài hạn khác	23	3.853.968.280	5.067.995.314
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>187.271.971.311</b>	<b>175.900.719.912</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>24</b>	<b>187.271.971.311</b>	<b>175.900.719.912</b>
411	1. Vốn cổ phần		147.280.190.000	147.280.190.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		147.280.190.000	147.280.190.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		24.894.688.720	24.894.688.720
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		49.607.325.328	49.607.325.328
421	4. Lỗ lũy kế		(34.510.232.737)	(45.881.484.136)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(45.881.484.136)	(70.660.637.980)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		11.371.251.399	24.779.153.844
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>776.631.948.965</b>	<b>346.004.618.875</b>



Trương Thị Phương Linh  
Người lập biểu



Dư Trường Linh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Tuân  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2017



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	564.370.902.929	306.059.817.760
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	(212.694.545)	(5.185.932.074)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	564.158.208.384	300.873.885.686
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(547.036.742.910)	(290.506.097.274)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.121.465.474	10.367.788.412
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	5.688.747.758	1.710.294.802
22	7. Chi phí tài chính	28	(6.499.751.217)	(2.419.920.400)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(3.697.583.177)	(1.760.158.350)
25	8. Chi phí bán hàng	27	(8.423.119.961)	(6.251.413.170)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(4.608.273.892)	(3.829.396.353)
30	10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		3.279.068.162	(422.646.709)
31	11. Thu nhập khác	29	10.536.367.324	5.349.966.972
32	12. Chi phí khác	29	(168.367.330)	(146.025.231)
40	13. Lợi nhuận khác	29	10.367.999.994	5.203.941.741
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.647.068.156	4.781.295.032
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(2.275.816.757)	(1.306.168.375)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		11.371.251.399	3.475.126.657
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.3	772	236
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	24.3	772	236

Trương Thị Phượng Linh  
Người lập biểu

Dư Trường Linh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Duy Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>13.647.068.156</b>	<b>4.781.295.032</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	12, 13, 14	3.246.871.324	2.869.694.852
03	Dự phòng		552.033.119	-
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.648.624.447	155.303.062
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(13.565.970.481)	(5.551.014.730)
06	Chi phí lãi vay	28	3.697.583.177	1.760.158.350
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>9.226.209.742</b>	<b>4.015.436.566</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(106.901.082.722)	(13.377.898.811)
10	Tăng hàng tồn kho		(378.644.503.423)	(100.899.392.661)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		10.819.934.728	(13.484.326.053)
12	Tăng chi phí trả trước		(1.314.445.383)	(1.164.494.694)
14	Tiền lãi vay đã trả		(3.525.132.254)	(1.770.739.429)
15	Thuế TNDN đã nộp		(2.275.816.757)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(89.292.921)	(255.108.379)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(472.704.128.990)</b>	<b>(126.936.523.461)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(6.584.438.050)	(2.932.207.254)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản khác		21.564.378.431	12.178.354.141
23	Tiền chi gửi ngân hàng		(70.000.000.000)	(7.097.319.444)
27	Tiền thu lãi và lợi nhuận được chia		2.641.263.369	204.617.131
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(52.378.796.250)</b>	<b>2.353.444.574</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay nhận được	22	863.785.122.363	362.213.529.865
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	22	(455.005.392.428)	(231.382.380.070)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>408.779.729.935</b>	<b>130.831.149.795</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN  
 L. C.

NGUYỄN VĂN AN  
 NGUYỄN VĂN AN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(116.303.195.305)	6.248.070.908
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		137.193.318.755	20.729.833.947
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(363.620)	3.680.899
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	20.889.759.830	26.981.585.754



Trương Thị Phượng Linh  
Người lập biểu



Dư Trường Linh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Tuân  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 003802 GP/TLDN-03 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Long An cấp ngày 1 tháng 7 năm 1995; điều chỉnh theo GCNĐKDN số 1100105380 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 1 tháng 11 năm 2000 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 06/GPPH do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 11 năm 2000.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là gia công, sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng nông sản; và dịch vụ cho thuê kho bãi.

Công ty có trụ sở chính tại 81B Quốc lộ 62, Phường 2, Thành phố Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 268 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 377).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY** (tiếp theo)

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập các báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	5 - 25 năm

**3.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 20 năm
Tài sản khác	5 – 10 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)**

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.8 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vào các đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp và Đô thị Long An vào ngày 11 tháng 11 năm 2011 trong thời hạn 50 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

**3.12 Các khoản phải trả và trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.15 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 *Phân chia lợi nhuận* (tiếp theo)

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

#### 3.16 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### 3.18 *Thuế*

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

15/06/2017 10:00:00 AM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với:

- ▶ cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19 Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động gia công, sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng nông sản là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty, do vậy Ban Giám đốc đã định rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	337.370.417	125.732.846
Tiền gửi ngân hàng	12.552.389.413	1.830.745.113
Các khoản tương đương tiền (*)	8.000.000.000	135.236.840.796
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>20.889.759.830</u></b>	<b><u>137.193.318.755</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng hưởng lãi suất áp dụng là 5,5%/năm.

**5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH**

	VND		
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý/ Giá trị thuần
Chứng khoán kinh doanh			
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu Nông sản Ninh Thuận	1.050.000.000	(1.041.070.696)	8.929.304
- Công ty Cổ phần Điện cơ	1.000.000.000	-	1.000.000.000
- Khác	172.168	-	172.168
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.050.172.168</u></b>	<b><u>(1.041.070.696)</u></b>	<b><u>1.009.101.472</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại với thời hạn gốc trên 3 tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

Như đã được đề cập trong Thuyết minh số 22, Công ty đã thế chấp toàn bộ khoản tiền gửi ngân hàng này để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu từ khách hàng	129.137.685.310	49.474.716.312
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	-	1.017.731.594
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>129.137.685.310</b>	<b>50.492.447.906</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi	(491.984.717)	(491.984.717)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>128.645.700.593</b>	<b>50.000.463.189</b>

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Trả trước cho người bán	32.816.121.702	5.583.589.125
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 32)	61.100.000	11.308.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>32.877.221.702</b>	<b>5.594.897.125</b>
Dự phòng trả trước ngắn hạn cho người bán khó đòi	(4.312.465.542)	(3.760.432.423)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>28.564.756.160</b>	<b>1.834.464.702</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

**9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Lãi tiền gửi	1.356.000.000	199.315.069
Ký quỹ	106.000.000	43.000.000
Phải thu ngắn hạn khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 32)	-	487.282.691
Phải thu ngắn hạn khác	493.988.963	293.967.848
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.955.988.963</b>	<b>1.023.565.608</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(8.500.000)	(8.500.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>1.947.488.963</b>	<b>1.015.065.608</b>

**10. NỢ XẤU**

Đối tượng nợ	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Sita S.A.	1.579.459.464	-	1.579.459.464	-
Công ty TNHH Samcad Holding	1.282.750.912	-	1.282.750.912	-
Công ty TNHH Olam International	504.794.709	-	504.794.709	-
Khác	2.341.026.730	432.081.119	1.476.864.492	119.952.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.708.031.815</b>	<b>432.081.119</b>	<b>4.843.869.577</b>	<b>119.952.000</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số đầu kỳ	4.723.917.577	4.545.513.525
Dự phòng trích lập trong kỳ	552.033.119	-
Số cuối kỳ	<u>5.275.950.696</u>	<u>4.545.513.525</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

**11. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Nguyên liệu, vật liệu	250.320.590.742	29.923.117.893
Thành phẩm	163.049.915.417	41.883.041.917
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.237.190.692	13.163.660.744
Hàng đang đi trên đường	12.778.659.465	-
Hàng hóa	11.851.418.124	-
Công cụ, dụng cụ	2.084.728.715	1.708.179.178
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>465.322.503.155</u></b>	<b><u>86.677.999.732</u></b>

Như đã được đề cập trong Thuyết minh số 22, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho với số tiền VND 142.022.782.944 để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN

SỐ TÀI KHOẢN CHÉP

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	32.678.159.688	37.173.974.863	7.763.574.601	1.105.955.818	78.721.664.970
Mua mới trong kỳ	-	846.350.000	955.935.546	-	1.802.285.546
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.324.376.551	1.028.560.981	-	-	2.352.937.532
Thanh lý trong kỳ	(3.531.083.347)	(4.328.383.815)	(919.655.963)	-	(8.779.123.125)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>30.471.452.892</u>	<u>34.720.502.029</u>	<u>7.799.854.184</u>	<u>1.105.955.818</u>	<u>74.097.764.923</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	2.877.504.369	2.198.367.809	84.941.000	384.328.996	5.545.142.174
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	10.923.783.843	18.220.247.640	4.238.216.667	925.927.993	34.308.176.143
Khấu hao trong kỳ	684.678.636	2.067.586.756	332.972.834	36.484.704	3.121.722.930
Thanh lý trong kỳ	(707.680.302)	(2.255.821.381)	(876.448.601)	-	(3.839.950.284)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>10.900.782.177</u>	<u>18.032.013.015</u>	<u>3.694.740.900</u>	<u>962.412.697</u>	<u>33.589.948.789</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>21.754.375.845</u>	<u>18.953.727.223</u>	<u>3.525.357.934</u>	<u>180.027.825</u>	<u>44.413.488.827</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>19.570.670.715</u>	<u>16.688.489.014</u>	<u>4.105.113.284</u>	<u>143.543.121</u>	<u>40.507.816.134</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp     (Thuyết minh số 22)</i>	13.115.107.816	151.218.268	766.287.156	-	14.032.613.240

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

VND  
Phần mềm máy tính

**Nguyên giá:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2017 310.629.500

**Giá trị hao mòn lũy kế:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 92.026.917

Hao mòn trong kỳ 23.328.298

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 115.355.215

**Giá trị còn lại:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 218.602.583

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 195.274.285

**14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Khác	Tổng cộng
--	-----------------------------	------	-----------

**Nguyên giá:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>4.051.473.019</u>	<u>463.830.993</u>	<u>4.515.304.012</u>
--	----------------------	--------------------	----------------------

Trong đó:

Đã khấu hao hết	438.065.371	284.783.000	722.848.371
-----------------	-------------	-------------	-------------

**Giá trị hao mòn lũy kế:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.072.743.733	445.926.236	2.518.669.969
-------------------------------	---------------	-------------	---------------

Khấu hao trong kỳ	<u>92.867.694</u>	<u>8.952.402</u>	<u>101.820.096</u>
-------------------	-------------------	------------------	--------------------

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>2.165.611.427</u>	<u>454.878.638</u>	<u>2.620.490.065</u>
------------------------------	----------------------	--------------------	----------------------

**Giá trị còn lại:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>1.978.729.286</u>	<u>17.904.757</u>	<u>1.996.634.043</u>
-------------------------------	----------------------	-------------------	----------------------

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>1.885.861.592</u>	<u>8.952.355</u>	<u>1.894.813.947</u>
------------------------------	----------------------	------------------	----------------------

Trong đó:

Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 22)	1.101.247.995	-	1.101.247.995
--	---------------	---	---------------

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

**15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Máy móc thiết bị chờ lắp đặt	<u>916.970.000</u>	<u>1.028.560.981</u>

**16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí mua bảo hiểm	221.711.431	-
Chi phí tham gia hội chợ	207.304.287	156.591.900
Chi phí sửa chữa	147.373.376	85.830.571
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	<u>160.139.636</u>	<u>131.380.499</u>
	<u>736.528.730</u>	<u>373.802.970</u>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí thuê đất (*)	9.769.476.635	16.150.915.732
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.904.179.557	1.201.989.583
Chi phí sửa chữa	1.965.177.388	2.236.864.824
Chi phí trả trước dài hạn khác	<u>31.944.443</u>	<u>40.277.777</u>
	<u>14.670.778.023</u>	<u>19.630.047.916</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>15.407.306.753</b></u>	<u><b>20.003.850.886</b></u>

(\*) Như đã được đề cập trong Thuyết minh số 22, Công ty đã thế chấp chi phí thuê đất ở Khu Công nghiệp Lợi Bình Nhơn, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An (đã được cấp Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất) để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng.

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả cho người bán	<u>23.254.292.860</u>	<u>11.652.681.858</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

**18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Trả trước từ khách hàng	1.899.380.939	684.553.807
Trả trước từ bên liên quan (Thuyết minh số 32)	238.588.983	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.137.969.922</u></b>	<b><u>684.553.807</u></b>

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Số phải trả trong kỳ	Số đã trả trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Thuế GTGT	(613.068.097)	2.461.861.515	(3.124.846.655)	(1.276.053.237)
Thuế thu nhập cá nhân	-	399.234.008	(399.234.008)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 31.1)	-	2.275.816.757	(2.275.816.757)	-
Khác	-	73.518.500	(73.518.500)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>(613.068.097)</u></b>	<b><u>5.210.430.780</u></b>	<b><u>(5.873.415.920)</u></b>	<b><u>(1.276.053.237)</u></b>

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phí gia công phải trả	2.773.740.650	58.387.550
Hoa hồng phải trả	382.658.872	143.575.260
Lãi vay phải trả	235.546.098	63.095.175
Phí vận chuyển phải trả	172.990.408	9.153.455
Khác	312.537.320	244.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.877.473.348</u></b>	<b><u>518.211.440</u></b>

**21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Nhận ký quỹ	2.429.291.250	4.514.586.400
Kinh phí công đoàn	436.823.727	540.946.676
Khác	212.780.094	495.482.948
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.078.895.071</u></b>	<b><u>5.551.016.024</u></b>

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

22. VAY NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Vay ngắn hạn ngân hàng	551.499.742.638	863.785.122.363	455.005.392.428	1.785.236.514	140.934.776.189

Công ty thực hiện các khoản vay này để tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/ năm)	Hình thức đảm bảo
	USD	VND			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	9.219.884	209.936.751.395	Từ ngày 31 tháng 8 đến ngày 11 tháng 12 năm 2017	Từ 2,6% đến 2,8%	Chi phí sử dụng đất trả trước, công trình, máy móc, thiết bị đi kèm và tiền gửi ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 6, 12, 14 và 16)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Long An	6.156.014	140.172.442.699	Từ ngày 20 tháng 9 đến ngày 5 tháng 12 năm 2017	2,8%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Bến Thành	2.198.800	50.066.676.000	Từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 25 tháng 10 năm 2017	3,1%	Hàng tồn kho (Thuyết minh số 11)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	2.193.010	49.934.837.700	Từ ngày 4 tháng 9 đến ngày 19 tháng 12 năm 2017	Từ 1,9% đến 2,5%	Tiền gửi ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 6)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Hồ Chí Minh	2.061.326	46.936.401.444	Từ ngày 20 tháng 8 đến ngày 16 tháng 12 năm 2017	Từ 2,5% đến 2,6%	Hàng tồn kho (Thuyết minh số 11)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	1.977.150	45.019.705.500	Từ ngày 3 tháng 11 đến ngày 9 tháng 11 năm 2017	2,7%	Hàng tồn kho (Thuyết minh số 11)
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	414.270	9.432.927.900	Từ ngày 10 tháng 12 đến ngày 14 tháng 12 năm 2017	2,7%	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>24.220.454</b>	<b>551.499.742.638</b>			

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

**23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Dự phòng trợ cấp thôi việc	<u>3.853.968.280</u>	<u>5.067.995.314</u>

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**24.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu**

	VND				
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗ lũy kế	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	147.280.190.000	24.894.688.720	49.627.325.328	(70.660.637.980)	151.141.566.068
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	3.475.126.657	3.475.126.657
Giảm khác	-	-	(10.000.000)	-	(10.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>147.280.190.000</u>	<u>24.894.688.720</u>	<u>49.617.325.328</u>	<u>(67.185.511.323)</u>	<u>154.606.692.725</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	147.280.190.000	24.894.688.720	49.607.325.328	(45.881.484.136)	175.900.719.912
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	11.371.251.399	11.371.251.399
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>147.280.190.000</u>	<u>24.894.688.720</u>	<u>49.607.325.328</u>	<u>(34.510.232.737)</u>	<u>187.271.971.311</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**24.2 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	14.728.019	14.728.019
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.728.019	14.728.019
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.728.019	14.728.019
Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2016: 10.000 VND/cổ phiếu).		

**24.3 Lãi trên cổ phiếu**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	11.371.251.399	3.475.126.657
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành ( <i>cổ phiếu</i> )	<u>14.728.019</u>	<u>14.728.019</u>
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
- <i>Lãi cơ bản</i>	772	236
- <i>Lãi suy giảm</i>	772	236

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

**25. DOANH THU**

**25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>564.370.902.929</b>	<b>306.059.817.760</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	564.370.902.929	305.778.612.760
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	281.205.000
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(212.694.545)</b>	<b>(5.185.932.074)</b>
Hàng bán bị trả lại	(212.694.545)	(5.185.932.074)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>564.158.208.384</u></b>	<b><u>300.873.885.686</u></b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	564.158.208.384	300.592.680.686
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	281.205.000
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	563.952.623.232	300.314.729.144
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 32)	205.585.152	559.156.542

**25.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.173.982.520	141.367.634
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.514.765.238	1.468.927.168
Cổ tức được chia	-	100.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.688.747.758</u></b>	<b><u>1.710.294.802</u></b>

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Giá vốn của thành phẩm đã bán	547.036.742.910	290.349.730.010
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	156.367.264
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>547.036.742.910</u></b>	<b><u>290.506.097.274</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí đóng gói	1.958.752.936	1.907.860.659
Chi phí hoa hồng	1.293.672.612	789.257.376
Chi phí nhân công	1.277.767.052	1.198.666.270
Chi phí xuất khẩu	1.070.421.465	548.990.539
Khác	2.822.505.896	1.806.638.326
	<u>8.423.119.961</u>	<u>6.251.413.170</u>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	2.158.358.230	2.175.265.947
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh số 10)	552.033.119	-
Khác	1.897.882.543	1.654.130.406
	<u>4.608.273.892</u>	<u>3.829.396.353</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>13.031.393.853</b></u>	<u><b>10.080.809.523</b></u>

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí lãi vay	3.697.583.177	1.760.158.350
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.802.168.040	659.762.050
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>6.499.751.217</b></u>	<u><b>2.419.920.400</b></u>

**29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>10.536.367.324</b>	<b>5.349.966.972</b>
Lãi từ thanh lý tài sản	10.391.987.961	5.309.647.096
Các khoản khác	144.379.363	40.319.876
<b>Chi phí khác</b>	<u><b>(168.367.330)</b></u>	<u><b>(146.025.231)</b></u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<u><b>10.367.999.994</b></u>	<u><b>5.203.941.741</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí nguyên vật liệu	759.013.716.588	321.632.735.156
Chi phí nhân công	12.281.359.381	18.956.384.186
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh 12, 13, 14)	3.246.871.324	2.869.694.852
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.465.003.745	4.317.474.676
Chi phí khác	7.188.820.783	2.594.757.431
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>791.195.771.821</u></b>	<b><u>350.371.046.301</u></b>

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**31.1 Chi phí thuế TNDN**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>13.647.068.156</u></b>	<b><u>4.781.295.032</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	2.729.413.631	956.259.007
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	33.673.466	28.050.913
Thu nhập từ cổ tức	-	(20.000.000)
Lỗi thuế trong kỳ	-	1.105.113.176
Lỗi năm trước chuyển sang	(221.566.185)	-
Khác	(265,704,155)	(763,254,721)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>2.275.816.757</u></b>	<b><u>1.306.168.375</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**31.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán giữa niên độ.

**31.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai:

**Các chênh lệch tạm thời**

	VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Lỗi chuyển sang các năm sau	101.931.055.083
Dự phòng trợ cấp thôi việc	<u>3.853.968.280</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>105.785.023.363</u></b>

**31.4 Lỗi chuyển sang các năm sau**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 101.931.055.083 VND (31 tháng 12 năm 2016: 103.038.886.008 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

				VND
<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Không Chưa chuyển lỗ tại được ngày 30 tháng 6 chuyển lỗ năm 2017</i>
2012	2017	<u>152.975.158.226</u>	<u>51.044.103.143</u>	<u>- 101.931.055.083</u>

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan kỳ này và kỳ trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty Cổ phần Bibica	Bên liên quan	Bán hàng hóa Hàng bán trả lại	18.023.636 -	377.712.905 206.491.740
Công ty Cổ phần Thực phẩm Pan	Công ty mẹ	Bán hàng hóa Hàng bán trả lại Cho thuê kho bãi	187.561.516 212.694.545 -	176.738.637 - 4.705.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần Thực phẩm Pan	Công ty mẹ	Bán hàng	-	962.852.914
Công ty Cổ phần Bibica	Bên liên quan	Bán hàng	-	48.824.600
Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI	Bên liên quan	Bán hàng	-	4.060.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Bên liên quan	Bán hàng	-	1.994.080
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>-</b>	<b>1.017.731.594</b>
<b>Trả trước nhà cung cấp ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Bên liên quan	Nhận cung cấp dịch vụ	61.100.000	11.308.000
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Bên liên quan	Lãi tiền gửi	-	487.282.691
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Thực phẩm Pan	Công ty mẹ	Tạm ứng	238.588.983	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các giao dịch với các bên liên quan khác*

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lương và thưởng	<u>987.000.000</u>	<u>781.961.538</u>


**33. CÁC CAM KẾT**

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Dưới 1 năm	140.627.483	140.627.483
Từ 1 đến 5 năm	562.509.931	562.509.931
Trên 5 năm	637.356.495	708.021.805
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>1.340.493.909</b></u>	<u><b>1.411.159.219</b></u>

**34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

  
 Trương Thị Phượng Linh  
 Người lập biểu

  
 Dư Trường Linh  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Duy Tuân  
 Tổng Giám đốc



Ngày 11 tháng 8 năm 2017